

TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG TA VỀ ĐỐI NGOẠI, THÀNH TỰU NỔI BẬT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA THỜI GIAN TỚI

Thiếu tướng, PGS,TS, NGND. NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Ủy viên Hội đồng Lý luận TW, Trưởng Nhóm chuyên gia 35 Quân ủy Trung ương,
Nguyên Viện trưởng Viện KHXHNV Quân sự Bộ Quốc phòng; ✉ nguyenbaduong.hvctqs@gmail.com
Ngày nhận bài: 20-8-2024; ngày hoàn thiện: 25-8-2024; ngày duyệt đăng: 30-8-2024

Tóm tắt: Trong bối cảnh Việt Nam chịu sự tác động mạnh mẽ của tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, Đảng ta vẫn vững tay chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua “sóng to gió lớn”. Trong đó, Đảng đã xác định những vấn đề chiến lược, các chính sách ưu tiên thực hiện đường lối đối ngoại “thêm bạn, bớt thù”, “khép lại quá khứ, hướng đến tương lai”, kiên quyết giữ vững hòa bình, tranh thủ điều kiện thuận lợi bên ngoài và sự đoàn kết, chung sức đồng lòng của nhân dân trong nước, tạo cơ sở vật chất, tinh thần vững chắc cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, đối ngoại, hội nhập quốc tế, hòa bình, hữu nghị.

Tư duy lý luận của Đảng về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta thực hiện đường lối đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo (Đại hội VI, tháng 12-1986); trong đó, đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng là một trong những nội dung quan trọng nhằm khắc phục hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh kéo dài hơn 30 năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Dấu mốc quan trọng hàng đầu, đánh dấu khởi điểm xuất phát của đường lối đổi mới về đối ngoại mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra là kiên trì thực hiện chủ trương, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, ủng hộ chính sách “cùng tồn tại hòa bình” giữa Việt Nam và các nước có chế độ chính trị - xã hội khác

nhau; phòng, chống và loại trừ nguy cơ chiến tranh, xung đột quân sự và chạy đua vũ trang. Đồng thời, ủng hộ chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, vùng lãnh thổ trên nguyên tắc hòa bình, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Đến Đại hội VII (1991), Đảng ta đã đề ra chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, đưa phương châm: “thêm bạn, bớt thù” lên mức cao hơn, thành phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Theo đó, tư duy lý luận của Đảng ta về công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế từng bước phát triển nội dung, hình thức, nhất là khi Đảng ta khẳng định sự cần thiết phải bảo

đảm lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; kết hợp chặt chẽ hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; đẩy mạnh tham gia hợp tác với các nước trong khu vực; đồng thời, mở rộng quan hệ với tất cả các nước, nhất là các nước bạn bè truyền thống, các nước láng giềng.

Sự nhất quán trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta luôn khẳng định quan điểm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để nhân dân an tâm phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh; phát triển văn hóa - xã hội, phẩm giá con người Việt Nam; đặc biệt tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, cộng đồng quốc tế để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước” đã được Đại hội IX của Đảng nâng lên mức cao hơn: “Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của các nước”. Điều này thể hiện rõ lập trường, quan điểm và thiện chí của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam về đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong giải quyết các vấn đề có liên quan đến hòa bình, hữu nghị, hợp tác quốc tế. Đây là cơ sở lý luận - thực tiễn rất quan trọng để Đảng ta thực hiện chủ trương không ngừng mở rộng, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và hợp tác kinh tế đối ngoại, trong đó xác định hội nhập kinh tế quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ thường xuyên của đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Tại Đại hội X, Đảng ta khẳng định tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là hội nhập sâu hơn, đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, Việt Nam tham gia có hiệu quả khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong đó, Đảng ta chỉ rõ: Tập trung khai thác có hiệu quả các cơ hội, điều kiện thuận lợi; giảm thiểu tối đa những khó khăn, thách thức, những rủi ro có thể phải đối mặt khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; phát huy mạnh mẽ vai trò, sức mạnh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Rõ ràng, quan điểm của Đảng ta về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế không còn giới hạn ở lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang các lĩnh vực hợp tác khác cả về chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, cả ở cấp độ song phương và đa phương.

Với tinh thần cái gì có lợi cho dân, cho nước thì kiên quyết phải làm, phấn đấu làm cho bằng được, tại Đại hội XI, lần đầu tiên Đảng ta khẳng định mục tiêu của đối ngoại Việt Nam là vì lợi ích quốc gia - dân tộc; bổ sung vào văn kiện và nêu rõ nội hàm mới của quan niệm “Việt Nam là thành viên có trách nhiệm” và phương châm chỉ đạo hành động “là bạn, là đối tác tin cậy” của các nước trong cộng đồng quốc tế. Sự khẳng định này, một mặt thể hiện rõ sự nhất quán về lập trường, quan điểm của Đảng ta; mặt khác, khẳng định sự trưởng thành vượt bậc của ngoại giao Việt Nam trên trường quốc tế, nhất là tính chủ động, tích cực của ngoại giao Việt Nam trong quan hệ song phương và đa phương. Điều này đã được Đảng ta

nhấn mạnh trong Nghị quyết số 28-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; trong đó, xác định rõ vấn đề đối tác và đối tượng, gắn vấn đề này trong mối quan hệ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Đây là dấu ấn sâu đậm, rõ nét về sự phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về hội nhập quốc tế, xuất phát từ hội nhập kinh tế quốc tế đến hội nhập toàn diện; đưa tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam bước sang giai đoạn phát triển mới, toàn diện và bao trùm, bao quát mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; thể hiện sâu sắc tính đồng bộ, toàn diện của hội nhập quốc tế thông qua các hoạt động đối ngoại, phù hợp với nội dung, tiến trình đổi mới ở Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo.

Trước sự vận động, phát triển mau lẹ và phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước; đường lối đối ngoại Việt Nam ngày càng có những bước phát triển rất quan trọng, thể hiện nhiều nội dung mới được khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII, XIII. Mục tiêu của đối ngoại Việt Nam “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” tại Đại hội XI đã được Đảng ta bổ sung, phân tích, làm sâu sắc hơn ở các kỳ Đại hội XII, XIII với việc khẳng định: Tiếp tục bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Điều này lý giải việc Đảng ta kiên định đường lối “ngoại giao cây tre Việt Nam” và nghiêm túc thực hiện chính sách quốc phòng “bốn không”; coi đây nguyên tắc ứng xử trong đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng, an ninh nói riêng phù hợp với bối cảnh tình hình hiện nay. Đây là vấn đề hết sức cần thiết thể hiện lập trường, quan

điểm nhất quán của Đảng ta trong thực hiện minh bạch hóa chính sách đối ngoại vì hòa bình, củng cố lòng tin chiến lược giữa Việt Nam và các đối tác. Đồng thời, là kế sách bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; tránh được các mâu thuẫn, xung đột và đẩy lùi các nguy cơ chiến tranh; luôn ở thế chủ động; không bị động, bất ngờ. Đồng thời, đây là kết quả phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về đối ngoại, về hội nhập quốc tế trong bối cảnh tình hình mới; là cơ sở vững chắc để Đảng ta xác định vị trí, vai trò tiên phong của đối ngoại trong thiết kế, thi công, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để mọi tầng lớp nhân dân an tâm sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, làm giàu cho đất nước và thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Những thành tựu nổi bật về công tác đối ngoại sau gần 40 năm đổi mới đất nước

Nhìn lại chặng đường phát triển của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, những đóng góp tích cực của công tác đối ngoại đã tạo dựng và duy trì vững chắc thế đứng, môi trường hòa bình, sự ổn định của nền chính trị Việt Nam, nhất là trong việc bảo vệ và bảo đảm chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích quốc gia - dân tộc.

Dấu ấn lớn nhất của công tác đối ngoại của Đảng ta là đẩy lùi và phá vỡ chính sách cô lập nước ta về chính trị, bao vây, phong tỏa, cấm vận về kinh tế và thương mại; qua đó, Việt Nam mở rộng quan hệ với tất cả các nước, kể cả các nước lớn là thành viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; từng bước

khẳng định và nâng cao uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Hiện nay, nước ta đã có quan hệ với 193 quốc gia, vùng lãnh thổ; quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 30 quốc gia, trong đó có cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) và 17/20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20). Cùng với đó, Đảng Cộng sản Việt Nam có quan hệ với 253 chính đảng ở 115 quốc gia; trong đó bao gồm 92 đảng cộng sản, 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính. Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia. Riêng đối ngoại quốc phòng, an ninh ngày càng được mở rộng, có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng và củng cố niềm tin chiến lược với quân đội của các nước đối tác, mở ra nhiều thời cơ, vận hội mới, thuận lợi để đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân ngày càng phát triển.

Tầm cao, uy tín, vị thế của đối ngoại Việt Nam được khẳng định và đứng vững trong cộng đồng quốc tế. Minh chứng sinh động của nhận định này, thể hiện ở việc Việt Nam liên tục đảm nhiệm nhiều cương vị trọng trách quốc tế, tham gia nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng như ASEAN, Liên hợp quốc, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội đồng Liên nghị viện ASEAN (AIPA), Liên minh Nghị viện thế giới (IPU), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), các Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP)... Tham gia các tổ chức, diễn đàn đa phương khu vực và

quốc tế, Việt Nam đã có nhiều sáng kiến có giá trị nhân văn, nhân đạo trong giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, gìn giữ hòa bình ở châu Phi; hỗ trợ nhân đạo; đóng góp xây dựng, định hình các cơ chế đa phương, được bạn bè quốc tế ghi nhận và đánh giá cao đường lối ngoại giao “cây tre Việt Nam”, sự trung lập, nhất quán về quan điểm thực hiện chính sách quốc phòng “bốn không” của Đảng, Nhà nước ta.

Những hoạt động nêu trên đã đóng góp tích cực vào việc thu hút nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng hợp tác khoa học, giáo dục đào tạo; phát triển các thị trường thương mại, đầu tư ở tất cả các châu lục, đẩy mạnh xuất khẩu nông phẩm, thu hút vốn FDI; tăng cường, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Với sự năng động, sáng tạo và hoạt động hiệu quả của đối ngoại, Việt Nam đã tự tin bước vào đội ngũ của Nhóm 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại; đặc biệt là thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Sự quan tâm thu hút bạn bè quốc tế, cùng chia sẻ trách nhiệm, giúp Việt Nam khắc phục hậu quả của đại dịch Covid-19 là một trong những minh chứng khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo và hết sức chủ động của Việt Nam với các đối tác nước ngoài.

Cùng với những kết quả nổi bật nêu trên, đối ngoại Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; nhất là việc giải quyết các vấn đề phức tạp, có liên quan đến xây dựng đường biên giới hữu nghị, hòa bình, chia sẻ và hướng đến tương

lai. Việt Nam đã hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên bộ, ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định về nghề cá Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc, ký kết thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản để chỉ đạo các cơ quan chức năng của các bên nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh trên Biển Đông. Hơn thế, những khó khăn về phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Lào, Campuchia đang được triển khai tích cực dựa trên cơ sở những nguyên tắc đã ký kết giữa các bên.

Ngoài ra, Việt Nam đã ký thỏa thuận song phương về hợp tác giải quyết vùng chồng lấn trên biển với từng nước trong khu vực có liên quan, trên cơ sở bình đẳng, các bên cùng có lợi với thiện chí hòa bình. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về mọi mặt có lợi cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những hoạt động hiệu quả nêu trên đã nâng tầm cao uy tín, vị thế của Việt Nam, được bạn bè và các tổ chức quốc tế tin nhiệm đề cử gánh vác nhiều trọng trách quan trọng như Ủy viên Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 2 nhiệm kỳ (2008-2009 và 2020-2021), Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc 2023-2025, Ủy viên liên chính phủ bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO...

Tuy nhiên, công tác đối ngoại vẫn còn một số hạn chế nhất định đòi hỏi phải khắc phục trong thời gian tới, đó là nhận thức của một số cơ quan, đơn vị về công tác ngoại giao chưa thống nhất, nhất là ngoại giao đa phương, đối ngoại văn hóa và ngoại giao nhân dân; thế và lực mới của đất nước chưa được phát huy tối ưu; có lúc, có nơi chưa

nhạy bén, nhất là việc tranh thủ các yếu tố quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước. Công tác nghiên cứu dự báo chiến lược có lúc, có việc chưa theo kịp tình hình, nhất là sự diễn biến nhanh, phức tạp của một số sự kiện chính trị - quân sự; quan hệ với một số đối tác chiến lược toàn diện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và khuôn khổ quan hệ. Việc đôn đốc, thực hiện các thỏa thuận hợp tác còn có mặt hạn chế; chưa tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước; công tác thông tin đối ngoại có mặt chưa phát huy hết vai trò, sức mạnh vốn có. Việc triển khai đường lối và chính sách đối ngoại trong thực tiễn có mặt chưa thật mạnh mẽ, hiệu quả chưa cao.

Nhìn chung, bức tranh về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của Việt Nam có nhiều gam sáng mới rất nổi trội, rất đáng trân trọng. Trong đó, những thành tựu phát triển, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN rất đỗi tự hào; khẳng định rõ sự phát triển tư duy lý luận và sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời, hiệu quả của Đảng ta về công tác đối ngoại. Một số hạn chế của công tác này là khó tránh khỏi với nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chúng ta cần nhận diện thấu đáo từng mặt và có biện pháp khả thi để từng bước khắc phục. Đây là cơ sở quan trọng để đúc kết, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu về sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, Nhà nước; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giải quyết hài hòa lợi ích quốc gia - dân tộc với trách nhiệm quốc tế; về sự kiên trì, kiên định thực hiện các nguyên tắc, chiến lược, sách

lược trong thực hiện đường lối “ngoại giao cây tre của Việt Nam” và chính sách quốc phòng “bốn không” cũng như việc quan tâm hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, xây dựng đội ngũ chuyên gia làm công tác đối ngoại các cấp trong ngành sao cho hiệu quả hơn; qua đó, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu phát triển lý luận về hội nhập quốc tế và công tác đối ngoại của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Một số vấn đề đặt ra về công tác đối ngoại trong thời gian tới

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những biến động lớn, nhất là biến động về cục diện thế giới với sự vận động theo hướng đa cực, đa trung tâm; hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn. Các nước lớn dù cạnh tranh quyết liệt nhưng đều tránh đối đầu, xung đột vũ trang trực diện và cần duy trì hòa bình, ổn định để phát triển. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là ASEAN tiếp tục đẩy nhanh quá trình xây dựng tầm nhìn Cộng đồng và nỗ lực phát huy vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang hình thành. Các cơ chế hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công, kết nối hạ tầng, kết nối kinh tế, kết nối số, giao lưu nhân dân ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục được thúc đẩy. Trong bối cảnh mới, sự phát triển khoa học công nghệ, nhất là tận dụng tối đa thành tựu mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại, sẽ tạo động lực và sức bật mới cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Điều đó đặt ra những yêu cầu khách quan đối với việc tận dụng tối đa những tác động tích cực của sự phát triển khoa học công nghệ vào hiện đại hóa quân đội và công an; thực hiện các nhiệm vụ quân sự; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, liên kết kinh tế tiếp tục được thúc đẩy, làm cho quá trình hình thành các chuỗi kinh tế cung ứng mới diễn ra nhanh hơn. Theo đó, chuỗi sản xuất mới mở ra cơ hội, các điều kiện thuận lợi để nền kinh tế Việt Nam phát triển bứt tốc, nhanh và hiệu quả hơn; tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quá trình xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ hiện đại, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Những tư duy mới và thành tựu đối ngoại sẽ là điều kiện thuận lợi để Việt Nam tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược toàn diện, nhất là các nước lớn, các nước láng giềng, nhằm mang lại nhiều lợi ích về thị trường, vốn đầu tư, công nghệ; đẩy nhanh tiến trình xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc, hoàn thành các chỉ tiêu chào mừng kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng (2030) và 100 năm thành lập nước (2045) đúng như sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

Tuy nhiên, chúng ta cũng dự lường trước những yếu tố tác động không thuận đến quá trình đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là tác động của tình hình thế giới, khu vực, sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, chi phối mạnh mẽ đến các mối quan hệ quốc tế của Việt Nam, trong đó có việc thực hiện các FTA thế hệ

mới mà các nước đã ký kết với Việt Nam; nguy cơ tụt hậu vẫn có thể xảy ra nếu không tận dụng tốt những thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển, bứt phá, vươn lên mạnh mẽ.

Cùng với đó, các thách thức về quốc phòng, an ninh ở Biển Đông, biên giới Tây Nam, an ninh phi truyền thống vẫn sẽ tiếp tục tác động đến quá trình đổi mới của đất nước, thậm chí có mặt sẽ phức tạp hơn. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản sau gần 40 năm đổi mới, chúng ta cũng phải tính đến bốn nguy cơ¹ đang hiện hữu mà Đảng ta đã nêu ra từ năm 1994, đến nay có mặt còn diễn biến phức tạp, gay gắt hơn. Mặt khác, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn chiến lược như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Đặc biệt, sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị, nhất là âm mưu, thủ đoạn, hoạt động “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, các biểu hiện về suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, tính ưu việt của chế độ.

Để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chủ động dập tắt các mối đe dọa, nguy cơ xung đột, chiến tranh từ sớm, từ xa; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để người dân an tâm xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện mục tiêu, khát vọng xây dựng đất nước phồn

vinh, văn minh, hạnh phúc; đóng góp tích cực vào việc gìn giữ nền hòa bình thế giới, nhất thiết chúng ta phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng thời, giữ vững vai trò tiên phong của đối ngoại, tận dụng tốt và hiệu quả các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”; phát huy tối đa các nguồn lực bên ngoài để nâng cao tiềm lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đảng ta khẳng định, đến năm 2030, 2045 phải đạt được, đưa nước ta trở thành đất nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là phương cách hữu hiệu để Đảng, Nhà nước ta huy động các nguồn lực từ bên ngoài, mở rộng hội nhập quốc tế từ bên trong; có đối sách hợp lý để nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế thông qua việc tham gia và thực hiện trách nhiệm gìn giữ nền hòa bình thế giới. Đồng thời, là phương thức để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột chủ yếu là đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu mới của thời cuộc, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nhận thức đúng và thực hiện nghiêm túc hệ quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế, đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân; luôn luôn xác định đối ngoại là động lực, nguồn lực có ý nghĩa quan trọng, khâu đột phá, cùng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cách mạng Việt Nam thời kỳ mới.

Kết luận

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa mối quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng là những quan điểm lớn của Đảng; đồng thời là các vấn đề thời sự, có ý nghĩa lý luận - thực tiễn đặc biệt quan trọng. Đây cũng là cơ sở, nền tảng vững chắc để bảo vệ, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên tinh thần thực hiện tốt quan điểm đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng ta trong tình hình mới. Phát huy kết quả đạt được, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đưa sự nghiệp đối ngoại về vang của Đảng vươn tầm cao mới là quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm cao cả, thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị nước ta dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, góp phần đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng bước vào kỷ nguyên mới, làm rạng danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên trường quốc tế./

Chú thích:

¹ Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế; nguy cơ chênh lệch xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội; âm mưu và hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1987;
2. Văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1991;
3. Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1996;
4. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2001;
5. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2006;
6. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011;
7. Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2016;
8. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2021.

THE PARTY'S THEORETICAL THINKING ON FOREIGN AFFAIRS, NOTABLE ACHIEVEMENTS AND NEW ISSUES FOR THE COMING TIME

NGUYEN BA DUONG

Abstract: As Vietnam is strongly impacted by the complicated and unpredictable global and regional situations, our Party still firmly steers the revolutionary ship through “troubled waters”. The Party has identified the strategic issues, priority policies in implementing the foreign policy pathway of “more friends, fewer enemies”, “close the past, look to the future”, determined in maintaining peace, taking advantage of external favourable conditions, as well as the domestic unity and solidarity of the people, creating the steady material and spiritual foundations for the development of the nation’s economy, culture, society, national defense and security; building and protecting the Fatherland, actively contributing to the struggle for peace, independence and socialism.

Key words: The Communist Party of Vietnam, foreign affairs, international integration, peace, friendship.